

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/DS-PT
Ngày: 28-4-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2020/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Minh D, sinh năm 1956; cư trú tại: Nhà số 1/40, đường P, khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1955; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 50, đường P, Khu phố M, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ nơi cư trú: Hẻm 57, đường P, khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2020 và các lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Minh D trình bày:

Ông và bà T là bạn học, hai bên có thỏa thuận góp hội và vay tài sản từ nhiều năm nay. Hiện tại bà T còn nợ ông tiền hội và tiền vay cụ thể như sau:

Đối với tiền hội: Bà T có tham gia 02 dây hội do ông làm chủ thảo, cụ thể:

- Dây hội thứ nhất: Hội 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 06/4/2018 âm lịch, gồm 21 phần, bà T tham gia 02 phần và hốt hội kỳ đầu tiên cả 02 phần được số tiền 156.000.000 đồng/phần, trừ tiền hoa hồng 5.000.000 đồng nên số tiền thực lãnh là 151.000.000 đồng x 02 phần thành tiền là 302.000.000 (ba trăm lẻ hai triệu) đồng. Bà T đóng hội chết cho ông đến tháng 4/2019 âm lịch thì ngưng. Dây hội này bà T còn nợ lại ông 08 kỳ hội chết x 10.000.000 đồng/kỳ x 02 phần thành tiền là 160.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hội 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 16/11/2018 âm lịch, gồm 24 phần, bà T tham gia 02 phần và hốt hội kỳ đầu tiên cả 02 phần được số tiền 174.800.000 đồng/phần, trừ tiền hoa hồng 5.000.000 đồng nên số tiền thực lãnh là 169.800.000 đồng x 02 phần thành tiền là 339.600.000 (ba trăm ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn) đồng. Bà T đóng hội chết cho ông đến tháng 4/2019 âm lịch thì ngưng. Dây hội này bà T còn nợ lại ông 18 kỳ hội chết x 10.000.000 đồng/kỳ x 02 phần thành tiền là 360.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hội trên bà T còn nợ ông số tiền hội chết là 520.000.000 đồng.

Đối với tiền vay: Ngày 13/3/2019 dương lịch bà T vay của ông số tiền 100.000.000 đồng; ngày 15/4/2019 dương lịch bà T vay thêm số tiền 200.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần bà T vay của ông số tiền 300.000.000 đồng; cả 02 lần vay tiền bà T có viết giấy mượn tiền và ký tên, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng; số tiền 100.000.000 đồng bà T đóng lãi cho ông được 02 tháng với số tiền 6.000.000 đồng; số tiền 200.000.000 đồng bà T đóng lãi được 01 tháng với số tiền 6.000.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi ông đã nhận là 12.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng là tháng 6/2019 ông mở dây hội mới sẽ cho bà T tham gia và hốt hội đầu để trả tiền cho ông. Tuy nhiên, đến tháng 4/2019 âm lịch thì bà T ngưng không đóng hội chết cho ông cả 02 dây hội nên ông không cho bà T vô dây hội mới. Vì vậy, số tiền vay 300.000.000 đồng bà T cũng chưa trả cho ông.

Nay ông D yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ hội là 520.000.000 đồng, tiền vay 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền vay

mức 20%/năm kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn, bà Trần Thị T: Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập bà T hợp lệ, nhưng bà T không đến Tòa án để làm việc, không có bản tự khai.

Bản án sơ thẩm số: 84/2020/DS-ST ngày 31-12-2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh D đối với bà Trần Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Trần Minh D số tiền nợ hui là 520.000.000 đồng, tiền vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi 92.026.000 đồng, tổng cộng là 912.026.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; lãi suất chậm thi hành án; quyền và nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21-01-2021 bà Trần Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Bà Trần Thị T không phải chịu trách nhiệm gì trong bản án này vì bà không góp hui và không mượn tiền của ông Trần Minh D.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 05-4-2021 qua làm việc với bà T, bà T thừa nhận còn nợ ông D số tiền nợ hui là 520.000.000 đồng, tiền vay 300.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông D tiền vay 300.000.000 đồng, tiền hui 520.000.000 đồng, xin không trả tiền lãi vì không có khả năng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Trần Minh D yêu cầu bà T trả cho ông tiền nợ hui là 520.000.000 đồng, tiền vay 300.000.000 đồng và tự nguyện yêu cầu bà T trả cho ông tiền lãi là 40.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa bà T vắng mặt đã có đơn xin.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị T. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm số: 84/2020/DS-ST ngày 31-12-2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Minh D yêu cầu bà T trả tiền lãi là 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T cho rằng không tham gia góp hội, không mượn tiền của ông Trần Minh D, thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Tòa án đã triệu tập bà T nhiều lần nhưng bà T không đến Tòa án, cũng không nộp bản tự khai; sau khi xét xử sơ thẩm bà T kháng cáo cho rằng không góp hội, không vay tiền của ông D. Tuy nhiên, ngày 05-4-2021 Tòa án làm việc với bà T, bà T thừa nhận còn nợ ông Trần Minh D tiền hội là 520.000.000 đồng, tiền vay 300.000.000 đồng; thừa nhận chữ viết, chữ ký trong các giấy mượn tiền (bút lục số 53, 55) là do bà viết và ký tên; thừa nhận bà có viết giấy nhận tiền đăng hội và ký tên (bút lục số 51, 52) Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền nợ hội là 520.000.000 đồng, tiền vay là 300.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị T yêu cầu xem xét không trả tiền lãi, thấy rằng:

Tại cấp sơ thẩm, ông D yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm tương đương 1,66%/tháng kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông D là 92.026.000 đồng.

Tại cấp sơ thẩm ông D khai cho bà T vay tiền hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, đến tháng 6/2019 ông mở dây hội mới sẽ cho bà T tham gia và hót hội đầu để trả tiền cho ông, nhưng ông không có chứng cứ chứng minh cho việc thỏa thuận lãi 3%/tháng, thời hạn trả tiền; trong giấy mượn tiền do ông D cung cấp cho Tòa án (bút lục số 53, 55) không có ghi thời hạn trả tiền. Qua làm việc với bà T, bà thừa nhận còn nợ ông D tiền hội chết, tiền vay và đồng ý trả cho ông D tiền hội 520.000.000 đồng, tiền vay 300.000.000 đồng, xin không trả tiền lãi; ông D khai có nhận tiền lãi do bà T trả 12.000.000 đồng. Như vậy, theo hướng dẫn của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì đây là trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 246 Bộ luật dân sự.

Tiền lãi được tính lại như sau:

+ Số tiền 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 21 tháng 18 ngày = 17.934.000 đồng

+ Số tiền 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 20 tháng 16 ngày = 34.080.000 đồng.

Tổng cộng lãi là: 52.014.000 đồng – 12.000.000 đồng = 40.014.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông D tự nguyện yêu cầu bà T trả cho ông tiền lãi 40.000.000 đồng là phù hợp nên cần ghi nhận.

Bà T kháng cáo xin không trả tiền lãi là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị T, sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh về phần tiền lãi, ghi nhận ông D tự nguyện yêu cầu bà T trả tiền lãi là 40.000.000 đồng.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị T được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; **Điều 463, 466, 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 01/2019/NQ/HĐTP ngày 11/01/2019; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T về phần tiền lãi.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2020/DS-ST ngày 31-12-2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh D đối với bà Trần Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Trần Minh D số tiền nợ hụi là 520.000.000 đồng, tiền vay là 300.000.000 đồng; ghi nhận ông Trần Minh D tự nguyện yêu cầu bà Trần Thị T trả tiền lãi là 40.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 860.000.000 đồng (tám trăm sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày ông Trần Minh D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị T không thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm; án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị T được miễn án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tx Hòa Thành;
- CCTHADS tx Hòa Thành;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Tuyền